ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4993 /QĐ-UBND	*An Giang, ngày 06 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 385/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 309/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Thông tư số 14/2026/TT-BTP ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Thông tư số 13/2026/TT-BTP ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số nội dung về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1512/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang (gồm: 03 TTHC).

Điều 2. Quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hoặc Bộ, ngành Trung ương.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - BTP;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Viễn thông An Giang (VNPT);
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, nvthanh.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Nguyễn Thanh Phong

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 4993 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

PHẦN I. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

STT	MÃ TTHC	TÊN QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
1	1.115239	Đăng ký, điều chỉnh dự án các-bon rừng	
2	1.115235	Hủy đăng ký dự án các-bon rừng	
3	1.115237	Cấp tín chỉ các-bon rừng	

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ QUY TRÌNH NỘI BỘ

**** Quy ước từ viết tắt:***

- Thủ tục hành chính: TTHC;

- Công chức tiếp nhận và trả kết quả: Công chức TN&TKQ;

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Trung tâm PVHCC;

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: Sở NN&MT.

1. Mã TTHC: 1.115239 - Đăng ký, điều chỉnh dự án các-bon rừng. Tổng thời gian giải quyết TTHC là 51 ngày làm việc (408 giờ). Quy trình nội bộ cụ thể như sau:

Trình tự	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn cơ quan, tổ chức hoàn thiện hồ sơ (hoặc thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do). - Nếu hồ sơ đầy đủ: Tiếp nhận và ra giấy tiếp nhận và trả kết quả (TN&TKQ), chuyển hồ sơ	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	04 giờ	Mẫu số 01 và Mẫu số 02 Phụ lục II Nghị định số 180/2026/NĐ-CP (bản chính)

	về Chi cục Kiểm lâm.			
B2	- Lấy ý kiến rộng rãi và thẩm định hồ sơ			
B2.1	- Lấy ý kiến. - Chi cục Kiểm lâm tham mưu dự thảo văn bản đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.	Sở NN&MT	04 giờ	Văn bản đăng tải (không quy định biểu mẫu)
B2.2	- Chi cục Kiểm lâm tổng hợp ý kiến và thông báo cho cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ bằng văn bản.	Sở NN&MT	40 giờ	Mẫu số 03 Phụ lục II Nghị định số 180/2026/NĐ-CP
B2.3	- Thẩm định hồ sơ	Sở NN&MT	252 giờ	Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 180/2026/NĐ-CP
B3	- Phê duyệt, đăng ký dự án			
B3.1	- Lấy ý kiến về việc phê duyệt đăng ký dự án	Sở NN&MT	24 giờ	
B3.2	- Hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt đăng ký dự án	Sở NN&MT	38 giờ	Văn kiện dự án, báo cáo thẩm định, văn bản góp ý của cơ quan, tổ chức
B3.3	- Đóng dấu, phát hành	Văn thư Sở NN&MT	02 giờ	Văn kiện dự án, báo cáo thẩm định, văn bản góp ý của cơ quan, tổ chức
B3.4	Xem xét hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt	Phòng Kinh tế, Văn phòng UBND tỉnh	30 giờ	Văn kiện dự án, báo cáo thẩm định, văn bản góp ý của cơ quan, tổ chức
B3.5	- Phê duyệt đăng ký dự án các-bon rừng, cấp tài khoản cho cơ quan, tổ chức và công bố	Chủ tịch UBND tỉnh	10 giờ	Mẫu số 05 Phụ lục II Nghị định số 180/2026/NĐ-CP

	trên Hệ thống đăng ký quốc gia theo quy định của Chính phủ về giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; - Trường hợp không phê duyệt đăng ký dự án thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.			
B4	- Đóng dấu, phát hành	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	Mẫu số 05 Phụ lục II Nghị định số 180/2026/NĐ-CP
B5	- Trả kết quả	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	Giờ hành chính	Mẫu số 05 Phụ lục II Nghị định số 180/2026/NĐ-CP

2. Mã TTHC: 1.115235 - Hủy đăng ký dự án các-bon rừng. Tổng thời gian giải quyết TTHC là 10 ngày làm việc (80 giờ). Quy trình nội bộ cụ thể như sau:

Trình tự	**Nội dung công việc**	**Trách nhiệm xử lý**	**Thời gian**	**Biểu mẫu/ kết quả**
B1	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn cơ quan, tổ chức hoàn thiện hồ sơ (hoặc thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do). - Nếu hồ sơ đầy đủ: Tiếp nhận và ra Giấy TN&TKQ, chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm.	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	04 giờ	Mẫu số 06 Phụ lục II Nghị định số 180/2026/NĐ-CP (bản chính)
B2	Trình phê duyệt			
B2.1	- Xem xét, trình phê duyệt	Sở NN&MT	54 giờ	Báo cáo, Tờ trình (không quy định biểu mẫu)
B2.2	- Đóng dấu, phát hành	Văn thư Sở NN&MT	04 giờ	Báo cáo, Tờ trình (không quy định biểu mẫu)

Trình tự	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B3	Xem xét hủy đăng ký			
B3.1	Xem xét hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh	Phòng Kinh tế, Văn phòng UBND tỉnh	10 giờ	Mẫu số 06 Phụ lục II Nghị định số 180/2026/NĐ-CP; Báo cáo, Tờ trình (không quy định biểu mẫu)
B3.2	Ký văn bản hủy đăng ký	Chủ tịch UBND tỉnh	06 giờ	Văn bản huỷ đăng ký trên Hệ thống đăng ký quốc gia (không quy định biểu mẫu)
B4	- Đóng dấu, phát hành	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ	Văn bản hủy đăng ký (không quy định biểu mẫu)
B5	- Trả kết quả	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	Giờ hành chính	Văn bản hủy đăng ký (không quy định biểu mẫu)

3. Mã TTHC: 1.115237 - Cấp tín chỉ các-bon rừng. Tổng thời gian giải quyết TTHC là 23 ngày làm việc (184 giờ). Quy trình nội bộ cụ thể như sau:

Trình tự	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	- Tiếp nhận và chuyển hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn cơ quan, tổ chức hoàn thiện hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ: Tiếp nhận và ra Giấy TN&TKQ, chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm.	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	04 giờ	Mẫu số 07, Mẫu số 08 và Mẫu số 09 Phụ lục II Nghị định số 180/2026/NĐ-CP (bản chính).
B2	- Lấy ý kiến và kiểm tra hồ sơ			

Trình tự	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B2.1	- Lấy ý kiến. - Chi cục Kiểm lâm tham mưu dự thảo văn bản đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.	Sở NN&MT	24 giờ	Văn bản đăng tải (không quy định biểu mẫu)
B2.2	- Chi cục Kiểm lâm tổng hợp ý kiến, hoàn thiện hồ sơ và trình Sở Nông nghiệp và Môi trường, trình Chủ tịch UBND tỉnh	Sở NN&MT	72 giờ	Báo cáo, Tờ trình (không quy định biểu mẫu)
B2.3	- Xem xét, trình Chủ tịch UBND tỉnh	Sở NN&MT	38 giờ	Báo cáo, Tờ trình (không quy định biểu mẫu)
B2.4	- Đóng dấu, phát hành	Văn thư Sở NN&MT	02 giờ	Báo cáo, Tờ trình (không quy định biểu mẫu)
B3	Phê duyệt			
B3.1	Xem xét, trình Chủ tịch UBND tỉnh	Phòng Kinh tế, Văn phòng UBND tỉnh	30 giờ	Báo cáo, Tờ trình (không quy định biểu mẫu); Mẫu số 10 Phụ lục II Nghị định số 180/2026/NĐ-CP
B3.2	Phê duyệt quyết định cấp tín chỉ các-bon rừng (trường hợp không cấp tín chỉ các-bon rừng thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do)	Chủ tịch UBND tỉnh	10 giờ	Mẫu số 10 Phụ lục II Nghị định số 180/2026/NĐ-CP
B4	- Đóng dấu, phát hành	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	Mẫu số 10 Phụ lục II Nghị định số 180/2026/NĐ-CP
B5	- Trả kết quả	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	Giờ hành chính	Mẫu số 10 Phụ lục II Nghị định số 180/2026/NĐ-CP